

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thao

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Mến

Ông Hoàng Văn Khiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:**  
Bà Diêm Thị Thanh Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 18-10-2022 về việc: Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-12-2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2022/TBXX ngày 30-12-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1992

- Bị đơn: Anh Triệu Đức N, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:*

Chị và anh Triệu Đức N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16-6-2020 tại UBND xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 7-2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Triệu Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Triệu Đức N.

+ Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Triệu Đức N có nơi cư trú tại xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Triệu Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 16-6-2020 là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, Chị L và anh N đã ly thân

không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L, cho Chị L được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị L và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nông Thị L được ly hôn anh Triệu Đức N.

**2. Về án phí:** Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002516 ngày 18-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Lâm Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thao**